

THỰC TRẠNG VÀ BIẾN ĐỔI TRONG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI HMÔNG Ở XÃ HUỖI TỤ, HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

PHẠM THỊ CẨM VÂN

Người Hmông là một trong 53 tộc người thiểu số ở Việt Nam, có 1.068.169 người (Tổng cục Thống kê, 2009), cư trú chủ yếu trên các triền núi cao (từ 800 đến 1.500m so với mặt nước biển), ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc, dọc theo biên giới Việt - Trung, Việt - Lào và Tây Nguyên, tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Đắk Lắk... Người Hmông sống dựa vào nông nghiệp nên đất đai là nguồn tư liệu sản xuất rất quan trọng trong đời sống của họ. Những thay đổi trong quản lý và sử dụng đất đã và đang có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của đồng bào ở mỗi địa phương.

Từ trước tới nay, trong các công trình nghiên cứu về người Hmông, vấn đề quản lý và sử dụng đất của người Hmông được đề cập trong mối liên quan đến mảng tri thức về sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên ở một số địa phương (Cư Hoà Văn, Hoàng Nam, 1994; Khổng Diễm, 1996; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Kỳ Sơn, 1995)... Bài viết này cung cấp thêm một số tư liệu về vấn đề quản lý và sử dụng đất của người Hmông ở xã Huổi Tụ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Huổi Tụ cách thị trấn Mường Xén - trung tâm huyện Kỳ Sơn 25 km về phía Bắc. Xã có 11 bản (Huổi Mú, Huổi Đun, Na Ni, Huổi Úc, Huổi Lê, Huổi Thắng, Huổi Khả, Huổi Khe, Phà Xắc, Phạ Bôn); có hai tộc người cùng chung sống là người Hmông (709 hộ, 3.849 khẩu, chiếm 91,6%) và người Thái (32 hộ, 232 nhân khẩu, chiếm 5,57%) (UBND huyện Kỳ Sơn, 2008).

Địa hình của Huổi Tụ chủ yếu là núi cao, với các đỉnh cao trung bình khoảng 1.000m, có đỉnh cao trên 1.200m, nên gây trở ngại lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Người Hmông ở đây không có ruộng nước nên phương thức canh tác chính là làm nương rẫy. Do vậy nói đến quản lý đất đai ở đây chủ yếu là nói đến đất đồi núi và rừng.

1. Quản lý và sử dụng đất ở xã Huổi Tụ trước đây

Trước giải phóng miền Bắc (tháng 10 năm 1954), đất đai trong các bản của người Hmông ở xã Huổi Tụ là tài sản chung của từng cộng đồng. Từng gia đình có quyền chiếm hữu một số diện tích để làm nương theo chu kỳ canh tác (3 - 5 năm). Hết thời gian đó, khi mảnh nương bỏ hóa đã lên xanh, người khác có thể canh tác. Tình hình này tiếp diễn đến khi thành lập hợp tác xã (HTX).

Năm 1959, Huổi Tụ thành lập các HTX theo quy mô bản, các hộ cùng khai phá và canh tác rẫy, sản phẩm thu được chia theo ngày công của từng xã viên. Các khu rừng được sử dụng chung.

Năm 1967 do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, HTX không được duy trì; các hộ gia đình trở lại khai phá và canh tác trên các mảnh nương như trước đây.

Sau khi Luật đất đai năm 1993 ra đời, toàn bộ quỹ đất của địa phương do Nhà nước quản lý. Chính quyền địa phương đã quy hoạch và giao quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ gia đình, bao gồm: đất ở, đất vườn, đất rẫy và có cả đất rừng. Hộ gia đình quản lý phần đất ở, đất vườn, bãi chăn thả gia súc, và đất sản xuất nông nghiệp (đất nương). Tập thể quản lý đất rừng, trong đó có rừng phòng hộ. Với cách quản lý này, các loại đất của hộ gia đình vẫn được thừa kế cho con cái theo truyền thống. Đất bãi chăn thả gia súc, giao cho từng hộ gia đình quản lý, tự khoanh lại và cai quản.

Luật đất đai ban hành cũng tạo sự thay đổi trong quyền quản lý của mỗi cộng đồng làng bản người Hmông. Trước đây, đất đai thuộc quyền quản lý của mỗi làng; ranh giới giữa các làng được xác định bằng các khe suối, khe núi, đường phân thủy. Phần đất

quản lý của mỗi làng gồm: khu cư trú, khu canh tác nương rẫy và khu chăn nuôi trâu bò, khu rừng để săn bắt hái lượm. Chủ thể quản lý quỹ đất của địa phương là cộng đồng và cá nhân, gia đình. Cộng đồng quản lý bãi chăn thả gia súc, đất rừng sản xuất và đất rừng thiêng. Cá nhân và hộ gia đình quản lý đất canh tác nương rẫy.

Ở huyện Kỳ Sơn hiện nay nói chung và ở Huổi Tụ nói riêng đã tiến hành việc đo đạc để phân vạch địa giới hành chính giữa các xã, xác định diện tích đất ở, đất ruộng và đất nương rẫy của các hộ. Rừng khoanh nuôi và bảo vệ thuộc phạm vi của các bản cũng chỉ dựa trên ranh giới tự nhiên được người dân thừa nhận từ bao đời nay. Tình hình quản lý và sử dụng đất ở các hộ gia đình và các làng của người Hmông nói riêng, các tộc người khác nói chung chịu sự chi phối của các chính sách đất đai của Nhà nước.

2. Thực trạng sử dụng và quản lý đất đai hiện nay

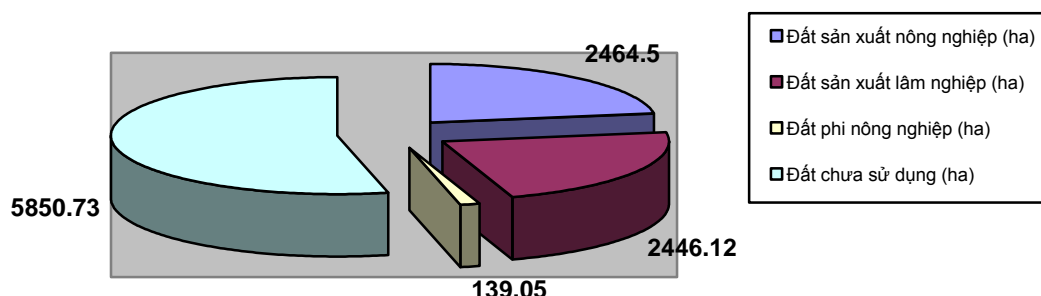
Theo thống kê của UBND huyện Kỳ Sơn năm 2008, tổng diện tích đất tự nhiên của xã Huổi Tụ là 11.155,99 ha, được chia thành bốn nhóm đất chính: đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất lâm nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng (xem Bảng 1 và Hình 1).

Bảng 1. Hiện trạng các loại đất của xã Huổi Tụ

Loại đất		Diện tích	Tỷ lệ
Đất sản xuất nông nghiệp	Đất trồng cây hàng năm	1.429,80	12,82
	Đất trồng cây lâu năm	1.034,70	9,27
Đất sản xuất lâm nghiệp	Đất rừng phòng hộ	1.496,12	13,41
	Đất rừng sản xuất	950	8,52
Đất phi nông nghiệp	Đất ở	31,70	0,28
	Đất chuyên dùng	81,66	0,73
	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	25,69	0,23
Đất chưa sử dụng	Núi đá không có rừng cây	303,27	2,72
	Đất đồi núi chưa sử dụng	5547,46	49,73
<i>Tổng</i>		<i>11.155,99</i>	<i>100</i>

Nguồn: UBND huyện Kỳ Sơn, năm 2008.

Hình 1. Hiện trạng sử dụng đất ở xã Huồi Tụ



Nguồn: UBND huyện Kỳ Sơn, năm 2008.

Bảng 1 cho thấy:

- Nhóm đất chưa sử dụng chiếm diện tích lớn nhất (49,73% tổng diện tích đất tự nhiên), chủ yếu là rừng đã qua khai thác; người dân có thể vào lấy củi và hái rau măng. Trong thời gian tới, khu vực này có thể được khoanh nuôi trồng rừng.

- Đất sản xuất nông nghiệp được chia thành đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm. Trong đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa rẫy có 749 ha (chiếm 52,40%) chủ yếu ở khu vực đất bằng, độ dốc nhỏ; đất trồng ngô lai (118,8 ha, chiếm 8,4%), còn lại là trồng sắn, các loại rau... Tuy nhiên, diện tích các loại cây trồng thay đổi hàng năm. Nguyên nhân của hiện tượng này là đất tốt nhất, màu mỡ nhất được dùng cho trồng lúa, sau 2 - 3 năm, đất bị bạc màu, năng suất trồng lúa không cao, người dân chuyển sang trồng ngô.

Đất trồng cây lâu năm có 1.034,7 ha, trong đó chè (230 ha, chiếm 22,23%), còn lại là đất trồng cây cảnh kiến và một số loại cây ăn quả.

Trong mấy năm gần đây, diện tích trồng chè và cỏ voi tăng lên, chủ yếu được trồng trên đất nông nghiệp. Nguyên nhân của sự chuyển biến này là do địa hình ở đây dốc, dễ bị xói mòn, cây trồng ít được bón phân, nên đến vụ thứ hai, năng suất đã giảm đáng kể. Vì thế, năm 2003, với sự giúp đỡ của Tổng đội Thanh niên xung phong, người dân ở Huồi Tụ được cấp giống chè, hướng dẫn cách trồng và chăm sóc (trồng được 20 ha chè, sau hai đến ba năm, cây chè đã cho thu hoạch 1 tấn/ha, bán có giá trên thị trường. Bên cạnh đó, những năm gần đây, từ việc buôn bán trâu bò, người Huồi Tụ chuyển sang chăn nuôi, cho thu nhập khá, cây cỏ voi - nguồn thức ăn chính cho trâu bò lại rất dễ trồng và phát triển tốt nên nhiều hộ trồng cỏ voi.

- Đất sản xuất lâm nghiệp 2.446,12 ha, chiếm 21,93% diện tích đất tự nhiên. Trong số này, rừng phòng hộ chiếm đến 61,16%, do Phòng kiểm lâm huyện quản lý, người dân không được vào khai thác lâm sản. Rừng sản xuất chiếm 38,84%, giao cho nhóm hộ gia đình quản lý và sử dụng, nên hiện tượng chặt phá rừng làm nương đã không còn.

- Đất ở chiếm 0,28% trong tổng diện tích đất tự nhiên của toàn xã. Hiện nay, việc cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu đối với đất ở còn rất nhiều hạn chế vì địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn, việc đo đạc diện tích đất cho các hộ gia đình lại càng khó khăn.

- Đất chuyên dùng chiếm 0,73% trong tổng diện tích đất tự nhiên, được sử dụng xây dựng nhà văn hóa, trụ sở UBND xã, trường học, trạm xá...

3. Các yếu tố tác động tới sử dụng và quản lý đất nông nghiệp ở Huổi Tụ

3.1. Tác động của chính sách

- *Chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi*: Chính sách này có ảnh hưởng quan trọng tới vấn đề quản lý và sử dụng đất đai của các tộc người thiểu số ở miền núi nói chung và của người Hmông ở Huổi Tụ nói riêng. Với chính sách này, kinh tế miền núi được xác định chuyển từ tự cấp tự túc và bao cấp sang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; việc khai hoang phục hóa đất canh tác, thay đổi cơ cấu giống cây trồng được khuyến khích nên đời sống của đồng bào dần được cải thiện.

Đặc biệt, từ năm 2003, theo chủ trương mới, một số diện tích đất được dùng để trồng chè và cỏ voi, bước đầu cho nguồn thu khá ổn định. Theo số liệu của UBND xã Huổi Tụ (năm 2008), xã có 28,95% số hộ có thu nhập dưới 9 triệu/năm; 34,21% hộ gia đình có thu nhập từ 9 - 21 triệu/năm; còn lại 36,84% gia đình có thu nhập 21- 65 triệu/năm, trong đó có một hộ thu nhập 65.500.000 đồng/năm.

- *Chính sách giao đất giao rừng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc*: Chính sách này được triển khai thực hiện ở Huổi Tụ sau Luật đất đai năm 1993. Tại địa phương đã

triển khai giao đất giao rừng, khuyến khích các hộ gia đình làm vườn trại, ổn định trong vòng 20 - 30 năm. Đối với đất trồng đồi trọc, mỗi hộ được giao diện tích không hạn chế. Hộ được quyền trồng cây ngắn ngày hoặc dài ngày. Một số hộ mở rộng vườn trại, phát triển kinh tế chăn nuôi với quy mô hộ gia đình. Đến nay ở Huổi Tụ đã có tới trên 20 trang trại, trồng lúa, ngô, chè, cỏ voi...

Qua khảo sát tại địa bàn nghiên cứu, hiện nay các gia đình đã được giao đất ở nhưng chưa được cấp sổ, diện tích còn lại giao cho hộ gia đình và nhóm hộ tự quản lý. Vì thế người dân không còn tự ý vào rừng khai thác lâm sản mà tập trung phát triển kinh tế trên quỹ đất của gia đình mình.

Tuy nhiên, việc giao đất giao rừng hiện vẫn còn nảy sinh một số vấn đề bất cập, như tranh chấp đất đai, người dân không chịu nhận quyền quản lý trên diện tích đất được giao. Đến nay, ở Huổi Tụ đã có 596 hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng (UBND huyện Kỳ Sơn, 2008) nhưng họ không nhận. Khi được hỏi, các gia đình giải thích rằng: chất lượng rừng ở các khu vực rất khác nhau, có người được giao khu rừng tốt, có người được giao khu rừng xấu, không công bằng, nên không nhận. Để công bằng, chính quyền lại không thể chia nhỏ diện tích đất tốt và đất xấu cho từng hộ gia đình vì không đủ kinh phí thực hiện đo đạc.

- *Về việc thực hiện Nghị định 364 về phân định lại địa giới cho các xã trên địa bàn huyện Kỳ Sơn*

Khi thực hiện Nghị định 364, không chỉ riêng ở Huổi Tụ mà trên toàn huyện Kỳ Sơn đã nảy sinh nhiều vấn đề, như khó khăn trong xác định ranh giới giữa các xã, các thôn bản

trong cùng một xã; một số nơi tranh chấp, như giữa bản Huổi Póc (xã Nậm Cấn) với bản Piêng Hòm (xã Phà Đánh); giữa bản Noọng Ó, bản Chả Lẩn (xã Hữu Lập) với bản Xẩn (xã Phà Đánh); giữa bản Pù Quặc I với bản Pù Quặc II cùng thuộc xã Na Ngoi... Ngay trên địa bàn xã Huổi Tụ cũng đã xảy ra tranh chấp từ năm 2006 giữa bản Phà Bón và bản Ngã Ba (tranh chấp đất rẫy, từ năm 2007, đến nay chưa giải quyết được); giữa bản Huổi Khe và bản Huổi Đun (tranh chấp từ năm 2006 đến nay chưa giải quyết được), giữa bản Huổi Đun và bản Huổi Mú; giữa bản Huổi Mú với bản Huổi Lê; giữa bản Huổi Thắng với bản Huổi Đun. Những tranh chấp này phần lớn liên quan đến đất nông nghiệp. Nguyên nhân của các tranh chấp này là khi vạch phân định ranh giới trên bản đồ, có bản có rất ít hộ nhưng được rất nhiều đất (bản Phà Xắc, Huổi Mú); trong khi đó, hai bản Huổi Đun, Huổi Kháng đông dân nhất lại được chia rất ít đất, dẫn đến tình trạng người dân thiếu đất canh tác, phải sang bản khác để canh tác và dẫn đến tranh chấp đất đai. Một nguyên nhân khác là do trong quá trình thực hiện, vì do thời gian gấp, nhân lực đo đạc không đủ và kinh phí ít, nên một số điểm không được cán bộ thực hiện vạch địa giới trên thực địa, mà chỉ vạch trên bản đồ; lại không chú ý đến những yếu tố lịch sử, nên dẫn đến tranh chấp.

3.2. Tác động của yếu tố văn hóa

Yếu tố văn hoá cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến tập quán sử dụng và quản lý đất của người Hmông ở Huổi Tụ. Họ vốn là cư dân sống du canh du cư, ở những vùng cao, khí hậu khắc nghiệt; những năm gần đây mới bắt đầu sống định cư và canh tác nương rẫy. Để tranh thủ tính quay vòng của đất, người Hmông ở Huổi Tụ đã biết kết hợp

các kỹ thuật trồng luân canh, xen canh, vừa tăng thêm nguồn thu, vừa bổ sung thêm lượng đạm cho đất. Chăn nuôi thả rông là thói quen từ rất lâu của đồng bào. Hiện nay, với chính sách khoanh nuôi khu chăn thả cho mỗi hộ tự quản lý, một mặt thúc đẩy các hộ đầu tư chăn nuôi riêng trên khu đất của mình, nhưng mặt khác lại nảy sinh mâu thuẫn giữa các hộ, rất khó để các hộ có thể quản lý gia súc của gia đình mình không cho sang khu đất của gia đình khác.

3.3. Tác động của kinh tế thị trường và mâu dịch biên giới

Trước tác động của kinh tế thị trường, mâu dịch biên giới, người Hmông ở Huổi Tụ đã sớm nhận thấy giá trị về các loại cây trồng, vật nuôi mới trên thị trường; nên họ nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư hơn cho chăn nuôi, mở rộng diện tích trang trại, thu gom gia súc từ nơi khác, chở đến phiên chợ mới mang bán. Hiện nay thương hiệu chè Tuyết San của người Hmông đã và đang có mặt trên thị trường, hoạt động tìm thu mua chè tươi (6.000đ/kg) cũng đã tác động đến hệ thống cây trồng của người Hmông ở Huổi Tụ.

3.4. Tác động của di cư tự do

Theo số liệu của UBND xã Huổi Tụ, đến năm 2008, đã có 10 hộ của xã di cư sang Lào. Nguyên nhân của việc di cư này là do số hộ này có mối quan hệ họ hàng và hôn nhân với đồng tộc ở bên kia biên giới; một phần do địa phương thiếu đất làm rẫy, trong khi đó đất đai của bạn (Lào) rộng, việc quản lý ở cấp cơ sở của nước bạn còn lỏng lẻo (có nơi, người Hmông ở Việt Nam sang nộp cho cán bộ phụ trách xã của bạn 500.000đ đến 700.000đ/ hộ là được giải quyết cho cư trú và đất làm rẫy). Tuy nhiên,

hiều hộ chỉ ở trên đất đất bạn một thời gian lại trở về Việt Nam. Khi về nước, phần đất trước đây của họ đã bị gia đình khác canh tác, dẫn đến tranh chấp giữa các hộ.

4. Một số đề xuất giải pháp trong sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên đất

- Việc trồng luân canh, xen canh trên đất đã và đang rất có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm đất dốc, dễ bạc màu ở Huồi Tụ, vì thế cần khuyến khích các hộ tiếp tục canh tác theo hướng này. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng chè, cỏ voi và một số loại cây khác đang cho thu nhập ổn định, nên vận động bà con mở rộng diện tích cây trồng theo hướng này. Tuy nhiên chính quyền địa phương cần chỉ đạo dành riêng một quỹ đất nhất định cho trồng cây lương thực nhằm đảm bảo vấn đề an ninh lương thực.

Hiện nay, ở Huồi Tụ đã có những mô hình phát triển trang trại kết hợp giữa trồng trọt và chăn nuôi, đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, cần có nghiên cứu và phát triển. Để bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, tránh lũ lụt, chính quyền xã nên vận động bà con hạn chế phát nương, phá rừng.

- Việc quản lý đất đai và rừng cần dựa vào chính quyền địa phương và cộng đồng: nên giao cho chính quyền từng xã, xã giao cho bản điều phối và đặc biệt là trưởng bản. Khi thực hiện giao đất để quản lý, chính quyền xã phải giao trực tiếp cho hộ gia đình với sự chứng nhận của hộ kề cận và của trưởng bản, sau đó cắm mốc, đề phòng tranh chấp đất sau này.

- Quản lý theo phương thức khoán cho nhóm hộ, chính quyền xã chia đất cho từng bản, sau đó cán bộ quản lý của từng bản dựa trên ranh giới các bản theo lịch sử kết hợp

với điều kiện hiện tại, tiến hành chia đất cho từng hộ.

- Quản lý theo quy ước, hương ước, phong tục của cộng đồng thôn bản, chú ý tới yếu tố lịch sử, theo truyền thống trước khi vạch ra ranh giới giữa các cộng đồng thôn bản và các đơn vị hành chính.

- Cần tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, nhất là Luật đất đai đến từng xã, từng bản và chỉ rõ phạm vi ranh giới thực địa giữa các xã đến tận người dân để dân biết, dân hiểu, dân thực hiện.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương (2009), *Báo cáo kết quả chính thức Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009*.

2. Khổng Diễm (Chủ biên) (1996), *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2000), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia.

4. Cư Hòa Văn, Hoàng Nam (1994), *Dân tộc Hmông ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

5. UBND huyện Kỳ Sơn (2008), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2008 và kế hoạch năm 2009*, bản đánh máy, lưu tại Văn phòng UBND huyện Kỳ Sơn.

6. UBND xã Huồi Tụ (2008), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2008 và kế hoạch năm 2009*, bản đánh máy, lưu tại Văn phòng UBND xã Huồi Tụ.